

Gia Lai, ngày tháng 10 năm 2025

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH
MỨC HỖ TRỢ HỌC PHÍ ĐỐI VỚI TRẺ EM MẦM NON, HỌC SINH
PHỔ THÔNG, NGƯỜI HỌC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ
THÔNG TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC DÂN LẬP, TƯ THỰC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

1. Đối với văn bản ban hành mới

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 217/2025/QH15 quy định: “2. Hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập,	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng Điều 2. Mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ	1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thực trên địa bàn tỉnh Gia Lai. 2. Đối tượng áp dụng a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thực trên địa bàn tỉnh Gia Lai. b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thực trên địa bàn tỉnh Gia Lai. c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thực, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất lấy mức học phí năm học 2025-2026 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh Gia Lai năm học 2025-2026, cụ thể:

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH																												
<i>tư thực. Mức hỗ trợ học phí do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định theo khung học phí do Chính phủ quy định nhưng không vượt mức thu học phí của cơ sở giáo dục dân lập, tư thực”.</i> Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Khoản 7, khoản 8 Điều 8 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định: <i>“7. Căn cứ khung học phí quy định tại Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức học phí</i>	thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thực	<i>Đơn vị: nghìn đồng/người học/tháng</i>																												
		<table><tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Cơ sở giáo dục</th><th colspan="3">Vùng</th></tr><tr><th>Thành thị</th><th>Nông thôn</th><th>Vùng dân tộc thiểu số và miền núi</th></tr><tr><td>1</td><td>Mầm non</td><td>300</td><td>100</td><td>50</td></tr><tr><td>2</td><td>Tiểu học</td><td>300</td><td>100</td><td>50</td></tr><tr><td>3</td><td>Trung học cơ sở</td><td>300</td><td>100</td><td>50</td></tr><tr><td>4</td><td>Trung học phổ thông</td><td>300</td><td>200</td><td>100</td></tr></table>	STT	Cơ sở giáo dục	Vùng			Thành thị	Nông thôn	Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	1	Mầm non	300	100	50	2	Tiểu học	300	100	50	3	Trung học cơ sở	300	100	50	4	Trung học phổ thông	300	200	100
					STT	Cơ sở giáo dục	Vùng																							
			Thành thị	Nông thôn			Vùng dân tộc thiểu số và miền núi																							
			1	Mầm non	300	100	50																							
			2	Tiểu học	300	100	50																							
3	Trung học cơ sở	300	100	50																										
4	Trung học phổ thông	300	200	100																										
Trong đó: - Vùng thành thị, đề xuất các phường trên địa bàn tỉnh, gồm các phường: Quy Nhơn, Quy Nhơn Đông, Quy Nhơn Tây, Quy Nhơn Nam, Quy Nhơn Bắc, Bình Định, An Nhơn, An Nhơn Đông, An Nhơn Nam, An Nhơn Bắc, Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Tam Quan, Hoài Nhơn Đông, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Nam, Hoài Nhơn Bắc, Pleiku, Hội Phú, Thống Nhất, Diên Hồng, An Phú, An Khê, An Bình, Ayun Pa. - Vựng nụng thụn, đề xuất cóc xó trồn địa bàn tỉnh tỉnh Bõnh Định (trước sỏp nhập) khụng cú trong Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 thỏng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chớnh phủ phờ duyệt danh sỏch cóc xó khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vụng đờng bầo dõn tộc thiỏu số và miờn nỳi giai đọan 2021 - 2025, gồm cóc xó: An Nhỡn Tỡy, Phự Cỏt, Xuõn An, Ngự Mỡy, Cỏt Tiến, Đề Gi, Hũa Hội, Hội Sơn, Phự Mỹ, An Lương, Bõnh Dương, Phự Mỹ Đụng, Phự Mỹ Tỡy, Phự Mỹ Nam, Phự Mỹ Bắc, Tuy Phước, Tuy Phước Đụng, Tuy Phước Tỡy, Tuy Phước Bắc, Tỡy Sơn, Bõnh Khờ, Bõnh Hiệp, Bõnh An, Hoài Ân, Ân Hỏo, Vỡnh Thặnh. - Vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đề xuất các xã còn lại và các thôn đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành.																														

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>đối với cơ sở giáo dục công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh dân lập, tư thục nhưng không vượt mức thu học phí của cơ sở giáo dục dân lập, tư thục.</i> <i>8. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để quyết định mức học phí, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục trên địa bàn quản lý”.</i>	Điều 3. Tổ chức thực hiện	* Mức thu học phí các cơ sở giáo dục ngoài công lập: - Vùng thành thị: + Thấp nhất: 500.000 đồng/HS/tháng; + Cao nhất: 6.800.000 đồng/HS/tháng. - Vùng nông thôn: + Thấp nhất: 450.000 đồng/HS/tháng; + Cao nhất: 2.400.000 đồng/HS/tháng. - Vùng dân tộc thiểu số và miền núi: + Thấp nhất: 350.000 đồng/HS/tháng; + Cao nhất: 1.100.000 đồng/HS/tháng. Mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất khung vượt mức thu học phí của cơ sở giáo dục dân lập, tư thục. - Điều khoản quy định ngày hiệu lực của Nghị quyết và trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong việc triển khai thi hành Nghị quyết.